

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN VẬT LÝ
KHỐI 11 - PHÒNG 1

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110001	TRẦN THẢO VINH AN	11A7	
2	110003	NGUYỄN QUỐC AN	11A2	
3	110004	NGUYỄN PHAN KHÁNH AN	11A3	
4	110005	TRẦN THANH AN	11A5	
5	110006	TRẦN KHÁNH AN	11A7	
6	110008	HOÀNG THIÊN ẮN	11A2	
7	110009	VÕ THỊ MINH ANH	11A7	
8	110011	TRẦN QUỲNH TRÚC ANH	11A5	
9	110012	NGUYỄN NGỌC VÂN ANH	11A7	
10	110014	NGUYỄN NGỌC KIM ANH	11A2	
11	110015	VÕ QUỐC ANH	11A3	
12	110016	TRẦN HUỲNH TUYẾT ANH	11A5	
13	110017	LÊ NGUYỄN TUYẾT ANH	11A7	
14	110020	AN BUI THỂ ANH	11A2	
15	110021	NGUYỄN TUẤN ANH	11A3	
16	110022	PHAN THỂ ANH	11A4	
17	110023	NGUYỄN HẢI QUỲNH ANH	11A5	
18	110025	BUI THỊ LAN ANH	11A4	
19	110026	NGUYỄN HOÀNG MAI ANH	11A6	
20	110029	ĐÀO NGUYỄN BÁCH	11A1	
21	110031	TRẦN THỊ TUYẾT BĂNG	11A7	
22	110032	PHẠM TRẦN KHÁNH BĂNG	11A7	
23	110035	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN BẢO	11A2	
24	110036	VÕ LÂM CHÍ BẢO	11A5	
25	110038	THẠCH GIA BẢO	11A3	
26	110039	PHAN HOÀNG GIA BẢO	11A4	
27	110040	QUYÊN GIA BẢO	11A1	
28	110041	TRẦN GIA BẢO	11A6	
29	110043	NGUYỄN NGÔ QUANG BÌNH	11A1	
30	110045	PHAN NGỌC MINH CHÂU	11A4	
31	110046	TRẦN NGỌC KIM CƯỜNG	11A3	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN VẬT LÝ
KHỐI 11 - PHÒNG 2**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110047	LÝ QUỐC CƯỜNG	11A6	
2	110048	BUI THÈ CƯỜNG	11A6	
3	110049	NGUYỄN QUỐC ĐẠI	11A2	
4	110050	VÕ THIỆU DÂN	11A7	
5	110051	TRỊNH NGUYỄN THÈ ĐAN	11A5	
6	110052	NGUYỄN YÊN ĐAN	11A4	
7	110053	LÊ HUỆ ĐĂNG	11A2	
8	110054	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	11A4	
9	110056	TRẦN MINH ĐẠT	11A3	
10	110057	CHÂU GIA ĐẠT	11A7	
11	110058	TRÀ THÀNH ĐẠT	11A1	
12	110059	TRƯƠNG TÂN ĐẠT	11A2	
13	110060	PHẠM TIẾN ĐẠT	11A3	
14	110061	TRẦN GIA ĐẠT	11A4	02/7/2027
15	110062	BUI GIA ĐẠT	11A1	
16	110063	NGUYỄN ĐẠT	11A2	
17	110064	TRẦN GIA ĐẠT	11A4	22/6/2027
18	110065	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	11A6	
19	110067	LÂM TIẾN ĐẠT	11A7	
20	110071	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG ĐÔNG	11A4	
21	110073	LÊ VIỆT DŨNG	11A1	
22	110074	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	11A3	
23	110076	ĐÀO TRẦN VŨ DƯƠNG	11A4	
24	110080	NGUYỄN ĐỖ ANH DUY	11A5	
25	110081	PHẠM TRẦN BẢO DUY	11A1	
26	110084	THÁI BÍCH DUYÊN	11A1	
27	110085	NGUYỄN MỸ DUYÊN	11A3	
28	110086	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	11A1	
29	110087	NGUYỄN TƯỜNG GIANG	11A5	
30	110090	ĐỖ NGỌC QUANG GIÀU	11A1	
31	110091	NGUYỄN HỨA NGỌC HÀ	11A5	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN VẬT LÝ
KHỐI 11 - PHÒNG 3

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110092	NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ	11A4	
2	110093	NGUYỄN HÀ VIỆT HAI	11A4	
3	110094	QUÁCH BUI ĐẠI HAI	11A1	
4	110096	TRẦN NGUYỄN NGỌC HÂN	11A6	
5	110097	PHẠM NGỌC HÂN	11A6	
6	110099	NGUYỄN MAI GIA HÂN	11A4	
7	110100	TRẦN NGUYỄN GIA HÂN	11A1	
8	110101	HUỲNH NGỌC HÂN	11A4	
9	110102	NGUYỄN THANH BẢO HÂN	11A1	
10	110105	KHÔNG HUỲNH NGỌC HÂN	11A3	
11	110107	NGUYỄN PHÚC HẬU	11A2	
12	110109	NGUYỄN THẾ HIÊN	11A3	
13	110110	NGUYỄN THẾ HIÊN	11A5	
14	110111	TRẦN THANH HOÀNG	11A1	
15	110112	NGUYỄN CHU KHÁNH HOÀNG	11A2	
16	110113	HỒ CHÍ HÙNG	11A7	
17	110114	DIỆP QUANG HÙNG	11A1	
18	110116	NGUYỄN GIA HÙNG	11A3	
19	110117	NGUYỄN NGÔ PHÚC HÙNG	11A2	
20	110118	NGUYỄN XUÂN HƯƠNG	11A4	
21	110119	TRẦN GIA HUY	11A3	
22	110120	NGUYỄN LÂM NHẬT HUY	11A2	
23	110121	NGUYỄN MINH HUY	11A3	
24	110123	ĐỖ NGUYỄN NGỌC HUỲNH	11A7	
25	110124	NGÔ TRẦN KHANG HY	11A1	
26	110125	TU KHANG HY	11A7	
27	110126	TRẦN QUANG KHAI	11A1	
28	110127	BUI VĂN KHAI	11A2	
29	110128	HÀ LÊ KHANG	11A6	
30	110129	ĐẶNG PHÚC KHANG	11A6	
31	110130	NGUYỄN VĨ KHANG	11A1	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN VẬT LÝ
KHỐI 11 - PHÒNG 4

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110131	NGUYỄN DUY PHÚC KHANG	11A4	
2	110132	NGUYỄN ĐÌNH KHANG	11A7	
3	110133	PHAN MINH KHANG	11A6	
4	110135	LÂM NGỌC KHÁNH	11A3	
5	110137	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	11A7	
6	110139	LÊ XUÂN TUẤN KHÔI	11A1	
7	110140	NGUYỄN MINH KHÔI	11A7	
8	110142	VŨ ĐÌNH KHÔI	11A2	
9	110143	NGUYỄN ĐAM MINH KHÔI	11A5	
10	110144	LÊ TRẦN KIM KHUYẾN	11A6	
11	110145	NGUYỄN HOÀNG KIẾN	11A1	
12	110146	VŨ THANH KIẾT	11A6	
13	110148	HUỲNH ĐĂNG THIÊN KIM	11A6	
14	110149	HUỲNH VĨ KỶ	11A7	
15	110150	LA VĨNH KỶ	11A6	
16	110152	Nguyễn Phạm Hoàng Lan	11A4	
17	110153	TRẦN THANH LIÊM	11A2	
18	110154	LÊ TRẦN PHƯƠNG LINH	11A4	
19	110155	LÊ KHÁNH LINH	11A2	
20	110156	PHAN NGỌC HẢI LINH	11A5	
21	110158	NGUYỄN GIA LINH	11A5	
22	110159	ĐỖ TRẦN BẢO LOAN	11A2	
23	110160	NGUYỄN PHÚC GIA LỘC	11A7	
24	110162	NGUYỄN TẤN LỘC	11A5	
25	110164	TRẦN HOÀNG LONG	11A4	
26	110165	DƯƠNG HOÀNG LONG	11A6	
27	110166	NGUYỄN NGỌC ANH LY	11A2	
28	110167	LÊ THỊ NGỌC MAI	11A7	
29	110170	TRẦN THỊ TRÚC MAI	11A3	
30	110171	VŨ THỊ NGỌC MAI	11A5	
31	110172	TRẦN DIỆP THANH MAI	11A5	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN VẬT LÝ
KHỐI 11 - PHÒNG 5**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110174	TRẦN KHẢI MINH	11A4	
2	110175	PHẠM DUY MINH	11A4	
3	110176	LÊ TRẦN KHÁNH MINH	11A3	
4	110177	TRẦN NGUYỄN TUẤN MINH	11A6	
5	110178	LÊ THỊ YÊN MY	11A4	
6	110179	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	11A2	
7	110180	NGUYỄN THỊ BẢO MY	11A2	
8	110182	VƯƠNG HOÀNG THIÊN MỸ	11A3	
9	110184	TRẦN ĐỨC NĂNG	11A2	
10	110185	TRẦN PHƯƠNG NGÂN	11A2	
11	110186	PHẠM KIM NGÂN	11A2	
12	110187	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	11A7	
13	110188	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	11A1	
14	110189	NGUYỄN THỊ KIỀU NGÂN	11A7	
15	110190	NGUYỄN LÊ BẢO NGÂN	11A7	
16	110191	TRẦN HỒNG NGÂN	11A3	
17	110192	TRƯƠNG KIM NGÂN	11A6	
18	110194	PHẠM ĐÔNG NGHI	11A3	
19	110195	NGUYỄN TỬ HUY NGHI	11A3	
20	110196	HUỖNH NGUYỄN PHƯƠNG NGHI	11A3	
21	110199	ĐINH ĐẠI NGHĨA	11A3	
22	110200	TRẦN VƯƠNG NHƯ NGỌC	11A3	
23	110201	TRẦN LÊ THIÊN NGỌC	11A4	
24	110202	NGUYỄN PHAN KHÁNH NGỌC	11A7	
25	110206	NGUYỄN HOÀNG MINH NGỌC	11A5	
26	110207	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	11A6	
27	110209	LÊ LÂM BẢO NGỌC	11A5	
28	110210	NGUYỄN PHÚC NGUYỄN	11A2	
29	110211	LÊ NGUYỄN THẢO NGUYỄN	11A2	
30	110212	PHẠM VÔ PHƯỚC NGUYỄN	11A6	
31	110213	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	11A6	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN VẬT LÝ
KHỐI 11 - PHÒNG 6

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110214	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	11A6	
2	110215	NGUYỄN KIM NGUYỄN	11A5	
3	110216	NGUYỄN NGỌC KHÁNH NGUYỄN	11A6	
4	110218	VÕ TRỌNG NHÂN	11A2	
5	110219	NGUYỄN THÀNH NHÂN	11A2	
6	110220	LÊ VÕ HẠNH NHÂN	11A7	
7	110221	NGUYỄN HỮU NHÂN	11A1	
8	110222	ĐÀO TRỌNG NHÂN	11A5	
9	110223	QUANG LÂM MINH NHẬT	11A6	
10	110224	NGUYỄN THỊ NHẬT	11A5	
11	110225	LÊ THỊ YẾN NHI	11A4	
12	110226	LÊ NHI	11A7	
13	110227	LÊ QUỲNH NHI	11A4	
14	110228	NGUYỄN NGỌC KHÁNH NHI	11A5	
15	110229	HUỲNH TUYẾT NHI	11A5	
16	110230	HUỲNH THỊ YẾN NHI	11A5	
17	110234	PHAN HỒNG NHIÊN	11A7	
18	110235	LÊ NGUYỄN KIM NHƯ	11A7	
19	110236	NGÔ HUỲNH NHƯ	11A4	
20	110237	LÊ THÁI NHƯ	11A5	
21	110238	CHÂU HUỲNH NHƯ	11A5	
22	110239	HUỲNH THỊ QUỲNH NHƯ	11A6	
23	110241	TÀ NGUYỄN QUỲNH NHƯ	11A1	
24	110243	LÊ NGỌC NHUNG	11A3	
25	110245	TÀ MINH NHỰT	11A2	
26	110246	NGUYỄN MINH NHỰT	11A5	
27	110247	HÀ THỊ TÔ NỮ	11A4	
28	110248	NGUYỄN THÀNH PHÁT	11A7	
29	110249	TRƯƠNG MINH PHÁT	11A6	
30	110250	KHUU VINH PHÁT	11A6	
31	110252	TRẦN PHI	11A7	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN VẬT LÝ
KHỐI 11 - PHÒNG 7

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110253	TRIỆU GIA PHÚ	11A7	
2	110254	THẠCH NGUYỄN HOANG PHÚ	11A3	
3	110255	LÊ ĐỒ GIA PHÚ	11A1	
4	110257	NHÂM VĨNH PHÚC	11A2	
5	110258	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	11A4	
6	110259	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	11A6	
7	110260	PHAN NHƯ PHÚC	11A1	
8	110261	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	11A1	
9	110263	ĐINH CÔNG PHƯỚC	11A7	
10	110269	TRẦN MINH QUÂN	11A1	
11	110270	TRẦN MINH QUÂN	11A3	
12	110272	CAO VŨ MINH QUÂN	11A3	
13	110274	NGUYỄN LÊ QUANG	11A1	
14	110275	TÔNG MỸ QUÝ	11A5	
15	110277	TÔ BẢO QUYÊN	11A7	
16	110278	BÙI NHÀ QUYÊN	11A3	
17	110279	NGUYỄN THỊ NGỌC QUYÊN	11A4	
18	110280	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	11A7	
19	110281	NGUYỄN ĐẶNG HƯƠNG QUỲNH	11A3	
20	110283	PHAN THỊ TRÚC QUỲNH	11A5	
21	110285	CHÂU TÂN SANG	11A2	
22	110286	NGUYỄN TÂN SANG	11A4	
23	110287	LŨ THÁI SANG	11A4	
24	110288	TRƯƠNG TÂN SANG	11A5	
25	110289	NGUYỄN NĂNG SƠN	11A5	
26	110290	BÙI ĐỨC TÀI	11A5	
27	110294	HÀ QUANG TÂN	11A1	
28	110295	NGUYỄN CAO QUỐC THAI	11A1	
29	110297	NGUYỄN HỒNG THÂM	11A3	
30	110300	TRẦN NGỌC THIÊN THANH	11A5	
31	110301	TRẦN THỂ THANH	11A4	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN VẬT LÝ
KHỐI 11 - PHÒNG 8

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110303	NGUYỄN ĐỖ THANH THẢO	11A7	
2	110304	LÊ ĐẶNG THANH THẢO	11A7	
3	110305	LÂM THANH THẢO	11A7	
4	110311	NGUYỄN TRUNG THỊNH	11A5	
5	110314	NGUYỄN CHỈ THỊNH	11A6	
6	110315	DƯƠNG MINH THƠ	11A7	
7	110316	LÊ NGUYỄN HÀ ANH THƠ	11A1	
8	110317	NGUYỄN THỊ QUỲNH THƠ	11A6	
9	110319	NGUYỄN ANH THƯ	11A7	
10	110321	TRẦN NGỌC ANH THƯ	11A3	
11	110322	ĐỖ MINH THƯ	11A4	
12	110323	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	11A1	
13	110324	ĐẶNG NGUYỄN MINH THƯ	11A2	
14	110325	ĐÌNH LÊ MINH THƯ	11A3	
15	110326	HUYNH NGỌC MINH THƯ	11A6	
16	110328	LÂM PHƯƠNG THUY	11A7	
17	110330	LÊ MINH NGỌC THY	11A4	
18	110331	NGUYỄN TRẦN ANH THY	11A1	
19	110332	PHẠM THUY TIÊN	11A4	
20	110333	VŨ MINH TIÊN	11A3	
21	110334	TẠ MINH TIÊN	11A4	
22	110336	NGUYỄN ĐỨC TIÊN	11A3	
23	110337	NGUYỄN ANH TIÊN	11A3	
24	110339	VŨ MINH TIÊN	11A6	
25	110340	TRƯƠNG MINH TIÊN	11A6	
26	110341	TRẦN TRỌNG TÍN	11A2	
27	110344	PHẠM HỮU TÍNH	11A5	
28	110345	NGUYỄN TRẦN PHƯỚC TOÀN	11A2	
29	110347	TRẦN HOÀNG BÍCH TRÂM	11A2	
30	110348	BÙI BẢO TRẦN	11A5	
31	110349	NGUYỄN NGỌC THUY TRÂN	11A1	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN VẬT LÝ
KHỐI 11 - PHÒNG 9

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LỚP	GHI CHÚ
1	110350	NGUYỄN BẢO TRẦN	11A1	
2	110352	TÀ THUY TRIỀU TRANG	11A4	
3	110353	NGUYỄN HOÀNG TRÍ	11A1	
4	110354	TRẦN ĐĂNG TUẤN TRÍ	11A6	
5	110355	Tạ Minh Triết	11A5	
6	110356	DIỆP TRẦN MINH TRIẾT	11A6	
7	110357	BÙI BÍCH HAI TRIỀU	11A1	
8	110358	ĐỖ LÝ TRỌNG	11A1	
9	110359	TRẦN THANH TRỌNG	11A2	
10	110360	NGUYỄN THANH TRÚC	11A4	
11	110361	NGUYỄN THANH TRÚC	11A5	
12	110362	TRẦN NGUYỄN THANH TRÚC	11A2	
13	110364	HUỖNH QUỐC TRUNG	11A3	
14	110365	LÊ MAI THANH TỬ	11A2	
15	110370	NGUYỄN NGỌC CÁT TƯỜNG	11A2	
16	110371	ĐẶNG PHÚC GIA CÁT TƯỜNG	11A3	
17	110373	NGUYỄN NGỌC CÁT TƯỜNG	11A6	
18	110374	NGUYỄN THANH TUYỀN	11A5	
19	110375	VŨ THỊ ANH TUYẾT	11A7	
20	110376	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	11A6	
21	110377	ĐINH NHẬT UYÊN	11A2	
22	110381	NGUYỄN HOÀNG XUÂN VINH	11A2	
23	110382	PHẠM NGUYỄN QUỐC VINH	11A1	
24	110384	NGUYỄN NGỌC LAN VY	11A2	
25	110385	NGUYỄN THÚY VY	11A7	
26	110392	NGUYỄN PHƯƠNG VY	11A3	
27	110395	LÂM THÚY VY	11A6	
28	110396	HUỖNH VY	11A6	
29	110398	NGUYỄN ANH XUÂN	11A4	
30	110400	Đoàn Như Ý	11A3	
31	110401	ĐOÀN NGỌC NHƯ Ý	11A3	
32	110402	NGUYỄN HOÀNG YÊN	11A4	

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên